

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN AN THI
TỈNH HƯNG YÊN

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 13/2019/HS- ST
Ngày 08 tháng 5 năm 2019

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN AN THI, TỈNH HƯNG YÊN

- Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa : Ông **Phạm Bá Hân**

Các Hội thẩm nhân dân : Ông **Trần Quang Chử**

Ông **Nguyễn Thanh B**

- Thư ký phiên tòa: Bà **Vũ Thị Thu Hiền** – Thư ký TAND huyện An Thi, tỉnh Hưng Yên.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện An Thi, tỉnh Hưng Yên tham gia phiên tòa: Ông **Đỗ Văn Tú**- Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 5 năm 2019 tại trụ sở UBND thị trấn An Thi, huyện An Thi, tỉnh Hưng Yên xét xử công khai sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số 11/2019/HSST ngày 25/3/2019 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 12/2019/QĐXXST- HS ngày 24/4/2019 đối với:

Bị cáo Trần Xuân B - Sinh năm 1998.

Nơi sinh: Huyện Thanh Miện, tỉnh Hải Dương.

Nơi cư trú: Khu V, thị trấn T, huyện Thanh Miện, tỉnh Hải Dương.

Quốc tịch: Việt Nam. Dân tộc: Kinh. Tôn giáo: Không.

Nghề nghiệp: Trồng trọt. Trình độ học vấn: 9/12. Giới tính: Nam.

Con ông Trần Xuân B và bà Trương Thị A.

Vợ: Ngô Thị Hải Y.

Con: Có 01 con sinh năm 2017.

Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị tạm giữ ngày 09/01/2019, chuyển tạm giam từ ngày 12/01/2019 tại Trại tạm giam Công an tỉnh Hưng Yên. Có mặt tại phiên tòa.

Người bào chữa:

Bà Phạm Thị D sinh năm 1984 (có mặt)

Địa chỉ: Số 30 phố Q, phường H, thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Ông Trần Xuân B sinh năm 1976 (có mặt)

2. Bà Trương Thị A sinh năm 1976 (có mặt)

Đều trú tại: Khu V, thị trấn T, huyện Thanh Miện, tỉnh Hải Dương.

Người làm chứng:

Ông Đặng Đình Đ (vắng mặt)

Ông Đặng Văn D (vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Do nghiện ma túy đá, nên sáng ngày 08/01/2019 Trần Xuân B sử dụng điện thoại di động nhãn hiệu Nokia X2 số thuê bao 0385244222 của B gọi vào số điện thoại di động thuê bao chỉ nhớ ba số cuối là 833 của một thanh niên mà B chỉ biết tên là L ở tỉnh Hưng Yên, còn B không biết tên, tuổi, địa chỉ cụ thể để hỏi thanh niên tên L bán cho 3.000.000 đồng ma túy đá về sử dụng, L đồng ý; đến khoảng 16 giờ ngày 09/01/2019 L gọi điện lại cho B và hẹn B đến ngã ba thôn Đ, xã L, huyện Ân Thi, tỉnh Hưng Yên để giao ma túy đá, B nhất trí điều khiển xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave α màu trắng - đen - bạc B số 34F1 - 226.66 đi đến điểm hẹn; đến khoảng 17 giờ cùng ngày B điều khiển xe mô tô đi đến khu vực đường bê tông gần ngã ba thôn Đ, xã L, huyện Ân Thi thì gặp L đi đến bằng xe ô tô taxi loại bốn chỗ ngồi, B không nhớ B số xe. L xuống xe đưa cho B cầm 01 hộp cát tông màu đen bên trong có 01 túi nilon màu trắng chứa ma túy đá, B cầm và bảo "tôi trả tiền", L nhất trí rồi lên xe ô tô taxi đi, còn B đang cầm hộp cát tông bên trong túi ma túy đá vừa mua được bên tay trái và định điều khiển xe mô tô đi về thì bị Tổ công tác Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Ân Thi và Công an xã L trên đường đi tuần tra thấy có biểu hiện nghi vấn nên yêu cầu kiểm tra, B đã tự nguyện giao nộp 01 hộp cát tông màu đen, bên trong đựng 01 túi nilon màu trắng chứa chất kết tinh màu trắng, B khai là ma túy đá mua về để sử dụng, nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Ân Thi lập biên bản bắt người phạm tội quả tang đối với B; vật chứng thu giữ: 01 hộp cát tông màu đen, bên trong đựng 01 túi nilon màu trắng chứa chất kết tinh màu trắng, niêm phong bì thư ghi số (I), 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Nokia X2 màu đen, số IMEI: 352856/05/108708/7 bên trong lắp sim số seri: 898404800005150259, có số thuê bao 0385244222, 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave α màu trắng - đen - bạc, B số 34F1 - 226.66, số khung RLHHC125FY280568, số máy HC12E - 7280642 của B.

Kết luận giám định số 127/PC09 ngày 11/01/2019 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Hưng Yên kết luận: Mẫu chất dạng tinh thể màu trắng dạng bột trong niêm phong ghi số I thu của Trần Xuân B, có khối lượng 25,647g (Hai năm phẩy sáu bốn bảy gam), là ma túy, loại Methamphetamine. Sau giám định hoàn lại 25,391g (Hai năm phẩy ba chín một gam) Methamphetamine trong niêm phong ghi số I thu của Trần Xuân B; mẫu hoàn được niêm phong số 127/PC09 giao Công an huyện Ân Thi quản lý.

- Về vật chứng của vụ án:

Đối với 01 niêm phong số 127/PC09 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Hưng Yên ghi mẫu vật gửi giám định hoàn lại bên trong có 25,391g (Hai năm phẩy ba chín một gam) Methamphetamine, 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Nokia X2 màu đen, số IMEI: 352856/05/108708/7 bên trong lắp sim số seri: 898404800005150259, có số thuê bao 0385244222 cùng 01 hộp cát tông màu đen thu giữ của B hiện đang quản lý tại kho vật chứng Công an huyện Ân Thi chờ xử lý.

Đối với chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave α màu trắng – đen – bạc, B số 34F1 - 226.66, số khung RLHHC125FY280568, số máy HC12E - 7280642 thu giữ của B; quá trình điều tra xác định chiếc xe mô tô này của bà Trương Thị A và ông Trần Xuân B ở khu V, thị trấn T, huyện Thanh Miện, tỉnh Hải Dương - Là bố mẹ đẻ của B. Hiện chiếc xe mô tô này đang quản lý tại kho vật chứng Công an huyện Ân Thi chờ xử lý.

Theo bị cáo Trần Xuân B khai nguồn gốc số Methamphetamine bị thu giữ là của B mua của người thanh niên chỉ biết tên là L khoảng 30 tuổi, ở Hưng Yên, còn B không biết cụ thể lai lịch, nhân thân, địa chỉ của L. Quá trình điều tra, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Ân Thi tiến hành kiểm tra các cuộc gọi đi, gọi đến điện thoại di động nhãn hiệu Nokia X2 số thuê bao 0385244222 thu của B, nhưng không có cuộc gọi đi, gọi đến có ba số cuối 833 theo B khai; nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Ân Thi không có căn cứ để xử lý.

Tại bản cáo trạng số 12/QĐ- VKS ngày 25/3/2019 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Ân Thi đã truy tố Trần Xuân B về tội **Tàng trữ trái phép chất ma túy** theo điểm g khoản 2 Điều 249 của Bộ luật hình sự 2015.

Tại phiên toà hôm nay đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Ân Thi vẫn giữ nguyên quyết định truy tố và đề nghị HĐXX:

Tuyên bố: Bị cáo Trần Xuân B phạm tội Tàng trữ trái phép chất ma túy.

Áp dụng điểm g khoản 2 Điều 249; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38 của Bộ luật hình sự 2015.

Xử phạt: Bị cáo Trần Xuân B từ 07 năm 06 tháng đến 08 năm tù, thời gian tính từ ngày 09/01/2019.

Về vật chứng : Áp dụng điểm a, c khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự 2015; điểm a, c khoản 2; điểm b khoản 3 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự 2015.

Tịch thu tiêu hủy: 01 niêm phong số 127/PC09 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Hưng Yên ghi mẫu vật gửi giám định hoàn lại bên trong có 25,391g (Hai năm phẩy ba chín một gam) Methamphetamine; 01 sim điện thoại số seri: 898404800005150259, có số thuê bao 0385244222; 01 hộp cát tông màu đen.

Tịch thu, sung quỹ nhà nước 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Nokia X2 màu đen, số IMEI: 352856/05/108708/7.

Trả lại ông Trần Xuân B và bà Trương Thị A chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave α màu trắng – đen – bạc, B số 34F1 - 226.66.

Về án phí: Đề nghị Hội đồng xét xử xử lý theo quy định của pháp luật.

Xét hoàn cảnh kinh tế khó khăn của bị cáo nên đề nghị Hội đồng xét xử không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

Tại phiên tòa bị cáo đã nhận thấy hành vi của mình là trái pháp luật và mong Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt để sớm trở về với gia đình.

Người bào chữa đề nghị HĐXX áp dụng điểm g khoản 2 Điều 249; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, khoản 1 Điều 54 của Bộ luật hình sự 2015 để giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo vì bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, gia đình có còn cảnh khó khăn, ông nội là người có công với cách mạng.

Ông B và bà A đề nghị HĐXX xem xét trả lại chiếc xe máy cho ông bà vì ông bà không biết bị cáo sử dụng làm phương tiện phạm tội.

Căn cứ vào các chứng cứ tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa trên cơ sở xem xét đầy đủ toàn diện chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, bị cáo, người bào chữa, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tính hợp pháp của các hành vi, quyết định tố tụng: Cơ quan điều tra Công an huyện Ân Thi, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Ân Thi, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của các cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do vậy, các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng thực hiện đều hợp pháp.

[2] Quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa hôm nay bị cáo thành khẩn khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình phù hợp với các tài liệu có trong hồ sơ vụ án như bản tường trình của bị cáo, biên bản hỏi cung bị can, biên bản lấy lời khai của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, người làm chứng, biên bản bắt người phạm tội quả tang, kết luận giám định... Như vậy, HĐXX có đủ cơ sở kết luận: Khoảng 17 giờ ngày 09/01/2019, tại đường bê tông gần khu vực ngã ba thôn Đ, xã L, huyện Ân Thi, tỉnh Hưng Yên; Trần Xuân B đã có hành vi cất giấu tàng trữ trái phép 01 gói ma túy, loại Methamphetamine, có khối lượng 25,647 gam mục đích để sử dụng thì bị phát hiện bắt quả tang, thu giữ toàn bộ vật chứng.

Như vậy, VKSND huyện Ân Thi truy tố bị cáo Trần Xuân B về tội Tàng trữ trái phép chất ma túy theo điểm g khoản 2 Điều 249 Bộ luật hình sự là chính xác, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến chính sách độc quyền quản lý của Nhà nước về ma túy, gây ảnh hưởng xấu đến an ninh, trật tự, an toàn xã hội, tạo điều kiện cho tệ nạn ma túy phát triển, làm phương hại đến đạo đức, sức khỏe và sự phát triển giống nòi của dân tộc. Đặc biệt việc tàng trữ, vận chuyển, mua bán trái phép chất ma túy còn là nguyên

nhân phát sinh nhiều tội phạm nguy hiểm khác khiến cho quần chúng nhân dân rất bất B.

[3] Tuy nhiên, khi quyết định hình phạt Hội đồng xét xử cân nhắc, xem xét đến tính chất, mức độ của hành vi phạm tội, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và nhân thân của bị cáo.

Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo không có tình tiết tăng nặng TNHS nào.

Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa hôm nay, bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải nên được hưởng 01 tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015. Ngoài ra, bị cáo có ông nội là Trần Xuân T là thương binh hạng 4/4, được Hội đồng Nhà nước Nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam tặng thưởng Huân chương chiến sỹ vẻ vang Hạng nhì, Huân chương kháng chiến Hạng ba; Bộ Tư lệnh quân chủng phòng không không quân tặng thưởng bằng khen; Sư đoàn 365 Bộ Tư lệnh quân chủng phòng không không quân tặng thưởng Bằng khen; Trung đoàn 275 Bộ Tư lệnh quân chủng phòng không không quân tặng thưởng 04 giấy khen vì có thành tích trong học tập, công tác và chiến đấu. Bản thân bị cáo có xác nhận gia đình có hoàn cảnh khó khăn, ông nội có công với cách mạng của UBND thị trấn T. Do đó bị cáo được hưởng thêm 02 tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

Người bào chữa đề nghị áp dụng khoản 1 Điều 54 Bộ luật Hình sự để cho bị cáo hưởng mức hình phạt dưới mức thấp nhất của khung nhưng HĐXX xét thấy không đủ điều kiện nên không chấp nhận.

Xét nhân thân của bị cáo thì thấy bị cáo có nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự. Tuy nhiên hành vi phạm tội của bị cáo có tính chất rất nghiêm trọng, số lượng ma túy lớn. Vì vậy HĐXX xét thấy cần phải có một hình phạt nghiêm khắc, bắt bị cáo cách ly khỏi đời sống xã hội một thời gian nhất định mới đủ tác dụng răn đe, giáo dục, cải tạo bị cáo trở thành công dân có ích cho gia đình và xã hội, đồng thời góp phần đấu tranh phòng và chống loại tội phạm này.

[4] Về hình phạt bổ sung: Xét hoàn cảnh kinh tế và thu nhập của bị cáo còn khó khăn nên Hội đồng xét xử không áp dụng hình phạt tiền là hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

[5] Về vật chứng :

01 niêm phong số 127/PC09 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Hưng Yên ghi mẫu vật gửi giám định hoàn lại bên trong có 25,391g (Hai năm phẩy ba chín một gam) Methamphetamine là vật Nhà nước cấm lưu hành nên cho tịch thu, tiêu hủy.

01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Nokia X2 màu đen, số IMEI: 352856/05/108708/7 là công cụ phạm tội nên cho tịch thu, sung quỹ nhà nước.

01 sim điện thoại số seri: 898404800005150259, có số thuê bao 0385244222 bị cáo dùng làm công cụ phạm tội; 01 hộp cát tông màu đen bị cáo dùng để đựng ma túy không có giá trị sử dụng nên cho tịch thu, tiêu hủy.

01 chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave α màu trắng – đen – bạc, B số 34F1 - 226.66 của bà Trương Thị A và ông Trần Xuân B. Ông B và bà A không biết bị cáo sử dụng xe để đi mua ma túy nên trả lại cho ông B và bà A.

[6] Đối với người thanh niên tên L đã bán ma túy cho B, tại cơ quan điều tra và tại phiên tòa hôm nay chưa làm rõ được nên không có căn cứ để xử lý.

[7] Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ điểm g khoản 2 Điều 249; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38 của Bộ luật hình sự 2015.

Tuyên bố: Bị cáo Trần Xuân B phạm tội Tàng trữ trái phép chất ma túy.

Xử phạt: Bị cáo Trần Xuân B 07 năm 06 tháng tù, thời gian tính từ ngày 09/01/2019.

Không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

Về vật chứng : Áp dụng điểm a, c khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự 2015; điểm a, c khoản 2; điểm b khoản 3 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự 2015.

Tịch thu tiêu hủy: 01 niêm phong số 127/PC09 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Hưng Yên ghi mẫu vật gửi giám định hoàn lại bên trong có 25,391g (Hai năm phẩy ba chín một gam) Methamphetamine; 01 sim điện thoại số seri: 898404800005150259, có số thuê bao 0385244222; 01 hộp cát tông màu đen.

Tịch thu, sung quỹ nhà nước 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Nokia X2 màu đen, số IMEI: 352856/05/108708/7.

Trả lại ông Trần Xuân B và bà Trương Thị A chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave α màu trắng – đen – bạc, B số 34F1 - 226.66.

(Tất cả có đặc điểm như quyết định chuyển vật chứng số 01 ngày 10/01/2019).

Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự, Nghị quyết 326 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án của Ủy ban thường vụ Quốc hội năm 2016.

Bị cáo phải chịu 200.000đ án phí sơ thẩm hình sự.

Về quyền kháng cáo: Bị cáo, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Công an huyện Ân Thi

- VKS huyện Ân Thi; VKSND tỉnh Hưng Yên

- Bị cáo, Người bào chữa

- Người có QLNVLQ

- Lưu Hs.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa

Phạm Bá Hân